

Số: /KH-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Về triển khai tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị
và kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công
theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Tổng kiểm kê tài sản công và Kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ tại đơn vị như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh.

Nắm được thực trạng của tài sản công tại đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý về các mặt số lượng, giá trị, ... làm cơ sở đề tham mưu hoàn thiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy nguồn lực tài sản công; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Yêu cầu:

Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền đầy đủ các nội dung của Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Bộ Tài chính và Kế hoạch số 3701/KH-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố đến các đơn vị.

Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn và tiến độ hoàn thành, trách nhiệm được phân công của các đơn vị trong việc triển khai thực hiện kiểm kê tài sản để bảo đảm việc tổ chức, triển khai thực hiện công tác kiểm kê tài sản nghiêm túc, chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ thời gian, trách nhiệm được phân công.

Việc kiểm kê được thực hiện theo chỉ tiêu hiện vật và giá trị của tài sản, ghi nhận hiện trạng quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại thời điểm kiểm kê để đề xuất các giải pháp và cách thức quản lý phù hợp; các tài sản có sự trùng lặp về cách phân loại giữa các loại tài sản thuộc phạm vi kiểm kê thì chỉ xếp vào một loại tài sản để kiểm kê.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi:

Danh mục tài sản Tổng kiểm kê cụ thể theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; cụ thể:

Tài sản công tại đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số

23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (trừ tài sản đặc biệt tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tài sản thuộc danh mục bí mật nhà nước), gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (bao gồm cả quyền sử dụng đất xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp); xe ô tô; tài sản cố định đặc thù; tài sản cố định khác.

2. Đối tượng thực hiện kiểm kê:

Đối với các trường Trung học phổ thông, Trung tâm GDTX và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

IV. THỜI ĐIỂM KIỂM KÊ VÀ NGUYÊN TẮC KIỂM KÊ

1. Thời điểm kiểm kê:

Thời điểm chốt số liệu kiểm kê: **00h00 ngày 01 tháng 01 năm 2025.**

2. Nguyên tắc kiểm kê:

a) Tài sản không thực hiện kiểm kê, cụ thể:

- Tài sản mà tại thời điểm kiểm kê đang trong quá trình đầu tư xây dựng, mua sắm, chưa hoàn thành đưa vào sử dụng; tài sản hình thành sau thời điểm kiểm kê.

- Tài sản đang được sử dụng để tham gia vào các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư; tài sản đang trong thời gian sử dụng để liên doanh, liên kết theo hình thức thành lập pháp nhân mới (trừ trường hợp pháp nhân mới là đơn vị sự nghiệp).

b) Việc kiểm kê được dựa trên việc kiểm đếm thực tế tài sản tại thời điểm kiểm kê; so sánh, đối chiếu với số liệu theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán.

c) Đối với tài sản đang được theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán nhưng tại thời điểm kiểm kê thực tế không còn tại đơn vị, thì đơn vị đang theo dõi, hạch toán tài sản có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý tài sản phát hiện thiếu theo quy định của pháp luật có liên quan; không tổng hợp giá trị của các tài sản này vào giá trị tài sản kiểm kê.

d) Đối với các tài sản đơn vị đang quản lý, sử dụng thực tế tại thời điểm kiểm kê, việc xác định giá trị tài sản kiểm kê được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Đối với các tài sản đã được theo dõi trên sổ kế toán thì xác định giá trị tài sản theo nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê.

- Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì đơn vị đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm căn cứ vào các hồ sơ liên quan đến tài sản để xác định giá trị tài sản. Trường hợp đã có quy định về bảng giá hoặc giá quy ước thì sử dụng Bảng giá, giá quy ước đó và các thông tin về số năm đưa vào sử

dụng, tỷ lệ khấu hao/hao mòn tài sản theo quy định để xác định nguyên giá tài sản và giá trị còn lại của tài sản.

- Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định giá trị tài sản theo điểm b khoản này thì xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản là 1 đồng. Nguyên giá và giá trị còn lại xác định là 1 đồng chỉ được sử dụng để phục vụ việc tổng kiểm kê. Sau khi hoàn thành việc kiểm kê, đơn vị đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản để thực hiện hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Việc tổng hợp kết quả kiểm kê được thực hiện theo nguyên tắc từ dưới lên trên; bắt đầu từ đối tượng trực tiếp quản lý/tạm quản lý tài sản tại thời điểm kiểm kê. Tài sản của cấp nào quản lý thì cấp đó có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện kiểm kê và tổng hợp báo cáo.

V. NỘI DUNG KIỂM TRA, THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Nội dung kiểm tra:

- Kiểm tra thực trạng quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao cho đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó gồm đất, công trình trên đất, trang thiết bị dạy học, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển và các loại tài sản khác;

- Kiểm tra việc thực hiện theo quy định pháp luật về việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết;

- Kiểm tra việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm chuyên dụng trong quản lý, sử dụng tài sản công, thiết bị dạy học.

2. Thành phần hồ sơ:

2.1 Tổng kiểm kê tài sản công

Biên bản kiểm kê - Mẫu số 01-BB/TSCĐ và Báo cáo kết quả kiểm kê - Mẫu 01a-BC/TSCĐ theo quy định tại mục I và mục II Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính.

2.2 Kiểm kê tài sản công theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP và Nghị định 114/2024/NĐ-CP

- Công văn báo cáo về công tác quản lý, sử dụng tài sản công định kỳ tại đơn vị.

- Công văn báo cáo về việc thực hiện sử dụng và quản lý Thiết bị dạy học trong năm tại đơn vị.

- Hồ sơ pháp lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô gồm bản sao: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao đất, hồ sơ bàn giao công trình đưa vào sử dụng...

- Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị.

- Các hợp đồng của việc sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết và Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết của đơn vị.

- Kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết:

+ Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê tài sản; xác định giá trị tài sản để đưa vào liên doanh liên kết;

+ Xác định giá cho thuê tài sản công; xác định giá trị tài sản để đưa vào cho thuê tài sản công;

+ Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính khi sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết;

+ Việc rà soát, xử lý chuyển tiếp các trường hợp sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết trước ngày Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành.

- Việc hạch toán, kế toán tài sản công.

- Việc tuân thủ quy định của pháp luật về kê khai, báo cáo để đăng nhập thông tin về tài sản công vào Phần mềm Quản lý, sử dụng tài sản công; Phần mềm Quản lý Thiết bị dạy học.

- Hồ sơ quản lý, sử dụng thiết bị dạy học;

- Hồ sơ tiếp nhận tài sản đối với tài sản được tài trợ;

- Sổ theo dõi tài sản công tại nơi sử dụng và sổ theo dõi tài sản công tổng hợp của đơn vị;

- Hồ sơ về việc thanh lý tài sản.

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Thời gian, địa điểm:

- Dự kiến từ 01 tháng 4 năm 2025 đến 30 tháng 11 năm 2025. Thời gian cụ thể căn cứ trên lịch công tác tuần của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Địa điểm: Tại các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Thành phần:

- Đoàn kiểm tra: Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính.

- Tại đơn vị: Thủ trưởng đơn vị, kế toán (hoặc phụ trách kế toán), phụ trách công tác quản lý tài sản của đơn vị.

3. Đối tượng kiểm tra:

- Các trường trung học phổ thông công lập.

- Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và đơn vị thuộc đối tượng thực hiện kiểm kê:

- Rà soát việc quản lý, sử dụng tài sản của đơn vị để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật (thanh lý theo hình thức bán, phá dỡ, hủy bỏ, tiêu hủy) đối với các tài sản hết hạn sử dụng; bị hư hỏng không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả. Hoàn thành trong tháng 12 năm 2024.

- Thực hiện cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu tài sản công thuộc phạm vi quản lý trong Phần mềm Quản lý tài sản <https://qltsapp.misa.vn/login>. Hoàn thành trong tháng 12 năm 2024.

- Cử nhân sự tham gia buổi tập huấn do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức vào **ngày 30 tháng 12 năm 2024**.

- Quyết định thành lập Tổ kiểm kê để thực hiện kiểm kê tài sản thuộc phạm vi kiểm kê do mình đang trực tiếp quản lý/tạm quản lý và chịu trách nhiệm về số liệu kiểm kê; thành phần Tổ kiểm kê do Thủ trưởng đối tượng thực hiện kiểm kê quyết định cụ thể căn cứ vào tính chất, đặc điểm, quy mô và thực tế quản lý tài sản.

- Cập nhật thông tin tài sản kiểm kê vào phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công <https://kktsc.mof.gov.vn/login> (Đính kèm danh sách có tên và pass đăng nhập).

- Cập nhật thực hiện báo cáo thống kê, đánh giá chất lượng, tần suất thiết bị sử dụng và các báo cáo khác trên Hệ thống quản lý thiết bị dạy học <https://thietbi.hcm.edu.vn/>.

- Tổng hợp kết quả kiểm kê, báo cáo kết quả kiểm kê:

+ Mẫu biểu: Biên bản kiểm kê - Mẫu số 01-BB/TSCĐ và Báo cáo kết quả kiểm kê - Mẫu 01a-BC/TSCĐ theo quy định tại mục I và mục II Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính.

+ Xác định chỉ tiêu về giá trị tài sản tại các biểu mẫu: theo hướng dẫn tại mục 3 Công văn số 8131/BTC-QLCS ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Bộ Tài chính.

- Chuẩn bị các hồ sơ có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài sản công để phục vụ cho công tác kiểm tra; Cung cấp 01 bộ hồ sơ (bản photocopy) gửi về Phòng Kế hoạch - Tài chính trước 02 ngày khi đến đơn vị kiểm tra.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Xây dựng lịch kiểm tra, biểu mẫu, đề cương báo cáo công tác quản lý tài sản công tại các đơn vị.

- Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản công của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Tổng kiểm kê tài sản công tại đơn vị và kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các trường trung học phổ thông công lập và đơn vị trực thuộc nghiêm túc thực hiện.

(Kèm 02 phụ lục:

Phụ lục 1: Danh sách các đơn vị.

Phụ lục 2: Danh mục các biểu mẫu báo cáo)./.

Nơi nhận:

- Trường THPT công lập;
- Đơn vị trực thuộc Sở;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHTC (Nh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Dương Trí Dũng

Phụ lục 01
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN TỔNG KIỂM KÊ

(Đính kèm Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Đơn vị được giao quản lý tài sản công tại đơn vị	Tên đăng nhập pass: kkts@123
1	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	T03422092
2	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	T03422139
3	Mầm non 19/5 - Thành phố	T03422081
4	Mầm non Thành phố	T03422082
5	Mầm non Nam Sài Gòn	T03422083
6	Trung tâm Hỗ trợ phát triển và Giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật	T03422079
7	Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	T03422080
8	Trung tâm Hỗ trợ phát triển và Giáo dục hòa nhập Bình Chánh	T03422144
9	Trung tâm Hỗ trợ phát triển và Giáo dục hòa nhập Tân Bình	T03422145
10	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	T03422091
11	Trung tâm GDTX Chu Văn An	T03422084
12	Trung tâm GDTX Tiếng Hoa	T03422090
13	Trung tâm GDKT TH và HN Lê Thị Hồng Gấm	T03422078
14	Trường THPT Bùi Thị Xuân	T03422001
15	Trường THPT Trưng Vương	T03422002
16	Trường THCS-THPT Trần Đại Nghĩa	T03422003
17	Trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa	T03422146
18	Trường THPT Tenlơ man	T03422004
19	Trường THPT Lương Thế Vinh	T03422135
20	Trường THPT Giồng Ông Tố	T03422005
21	Trường THPT Thủ Thiêm	T03422006
22	Trường THPT Lê Quý Đôn	T03422007
23	Trường THPT Marie Curie	T03422008
24	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	T03422009
25	Trường THPT Nguyễn Thị Diệu	T03422133
26	Trường THPT Nguyễn Trãi	T03422010
27	Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ	T03422011
28	Trường THPT Hùng Vương	T03422012
29	Trường THPT Lê Hồng Phong	T03422013
30	Trường THPT Trần Khai Nguyên	T03422014
31	Trường THPT Trần Hữu Trang	T03422129
32	Trường THPT Mạc Đĩnh Chi	T03422015
33	Trường THPT Bình Phú	T03422016

34	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	T03422093
35	Trường THPT Phạm Phú Thứ	T03422131
36	Trường THPT Lê Thánh Tôn	T03422017
37	Trường THPT Ngô Quyền	T03422018
38	Trường THPT Nam Sài Gòn	T03422020
39	Trường THPT Tân Phong	T03422019
40	Trường THPT Lương Văn Can	T03422021
41	Trường THPT Ngô Gia Tự	T03422022
42	Trường THPT Tạ Quang Bửu	T03422023
43	Trường PT NK TD, TT Nguyễn Thị Định	T03422024
44	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	T03422094
45	Trường THPT Võ Văn Kiệt	T03422137
46	Trường THPT Nguyễn Huệ	T03422025
47	Trường THPT Phước Long	T03422026
48	Trường THPT Long Trường	T03422027
49	Trường THPT Nguyễn Văn Tăng	T03422095
50	Trường THPT Nguyễn Du	T03422028
51	Trường THPT Nguyễn An Ninh	T03422029
52	Trường THPT Nguyễn Khuyến	T03422030
53	Trường THPT Diên Hồng	T03422134
54	Trường THPT Sương Nguyệt Anh	T03422132
55	Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	T03422031
56	Trường THPT Nguyễn Hiền	T03422032
57	Trường THPT Trần Quang Khải	T03422033
58	Trường THPT Võ Trường Toản	T03422034
59	Trường THPT Thạnh Lộc	T03422035
60	Trường THPT Trường Chinh	T03422036
61	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	T03422037
62	Trường THPT Tân Bình	T03422038
63	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	T03422039
64	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	T03422040
65	Trường THPT Trần Phú	T03422041
66	Trường THPT Tây Thạnh	T03422042
67	Trường THPT Lê Trọng Tấn	T03422128
68	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	T03422043
69	Trường THPT Thanh Đa	T03422044
70	Trường THPT Gia Định	T03422045
71	Trường THPT Phan Đăng Lưu	T03422046
72	Trường THPT Võ Thị Sáu	T03422047
73	Trường THPT Trần Văn Giàu	T03422148
74	Trường THPT Phú Nhuận	T03422048
75	Trường THPT Hàn Thuyên	T03422049
76	Trường THPT Nguyễn Trung Trực	T03422050
77	Trường THPT Gò Vấp	T03422051

78	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	T03422052
79	Trường THPT Trần Hưng Đạo	T03422053
80	Trường THPT Tam Phú	T03422054
81	Trường THPT Thủ Đức	T03422055
82	Trường THPT Nguyễn Hữu Huân	T03422056
83	Trường THPT Hiệp Bình	T03422057
84	Trường THPT Đào Sơn Tây	T03422130
85	Trường THPT Linh Trung	T03422136
86	Trường THPT An Nhơn Tây	T03422058
87	Trường THPT Củ Chi	T03422059
88	Trường THPT Quang Trung	T03422060
89	Trường THPT Trung Phú	T03422061
90	Trường THPT Trung Lập	T03422062
91	Trường THPT Phú Hòa	T03422063
92	Trường THPT Tân Thông Hội	T03422064
93	Trường THPT Lý Thường Kiệt	T03422065
94	Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu	T03422066
95	Trường THPT Bà Điểm	T03422067
96	Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến	T03422068
97	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	T03422069
98	Trường THPT Phạm Văn Sáng	T03422149
99	Trường THPT An Lạc	T03422070
100	Trường THPT Vĩnh Lộc	T03422071
101	Trường THPT Bình Tân	T03422098
102	Trường THPT Bình Hưng Hòa	T03422097
103	Trường THPT Nguyễn Hữu Cánh	T03422096
104	Trường THPT Bình Chánh	T03422072
105	Trường THPT Đa Phước	T03422073
106	Trường THPT Lê Minh Xuân	T03422074
107	Trường THPT Tân Túc	T03422150
108	Trường THPT Vĩnh Lộc B	T03422151
109	Trường THPT NK TĐTT H Bình Chánh	T03422152
110	Trường THPT Long Thới	T03422099
111	Trường THPT Phước Kiển	T03422100
112	Trường THPT Dương Văn Dương	T03422153
113	Trường THPT Bình Khánh	T03422076
114	Trường THPT Cần Thạnh	T03422075
115	Trường THPT An Nghĩa	T03422101
116	Trường THPT Thạnh An	T03422154
117	Trường THPT Hồ Thị Bi	T03422155
118	Trường THPT Dương Văn Thì	T03422156
119	Trường THPT Phong Phú	T03422157
120	Trường THPT Bình Chiểu	T03422158
121	Trường THPT Năng khiếu Thể dục Thể Thao	T03422147

122	Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	T03422085
123	Trường Trung cấp Kinh tế kỹ thuật Quận 12	T03422159
124	Trường Trung cấp Bách Nghệ TPHCM	T03422138
125	Trường Cao Đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	T03422140
126	Trường Cao Đẳng Kinh Tế	T03422141
127	Trường Cao Đẳng Lý Tự Trọng	T03405011
128	Trường Cao Đẳng KTKT TPHCM	T03405009
129	Trường Cao Đẳng CN Thủ Đức	T03422142
130	Trường THPT Quốc tế Việt Úc	T03422143

Phụ lục 02

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO

(Đính kèm Kế hoạch số /KH-SGDĐT ngày tháng năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu mẫu
I	Mẫu Biên bản kiểm kê	
1	Mẫu số 01-BB/TSCĐ	Biên bản kiểm kê tài sản cố định tại đơn vị (Dành cho Tổng kiểm kê tài sản)
2	Mẫu C53- HD	Biên bản kiểm kê TSCĐ
II	Mẫu biểu báo cáo kết quả kiểm kê	
1	Mẫu số 01a-BC/TSCĐ	Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định tại đơn vị (Dành cho Tổng kiểm kê tài sản)
2	Mẫu S24-H	Sổ tài sản cố định
3	Mẫu S26-H	Sổ theo dõi TSCĐ và công cụ, dụng cụ tại nơi sử dụng
4	Mẫu C50- HD	Biên bản giao nhận TSCĐ
5	Mẫu C52- HD	Biên bản đánh giá lại TSCĐ
6	Mẫu C54- HD	Biên bản giao nhận TSCĐ sau nâng cấp
7	Mẫu C55- HD	Bảng tính hao mòn TSCĐ
8	Mẫu C56- HD	Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
III	Các tài liệu khác	
1	Công văn báo cáo	
2	Hợp đồng	